

KINH ĐẠI BẢO TÍCH



QUYỂN 12

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ.

Pháp hội 3: MẬT TÍCH KIM CANG LỰC SĨ (Phần 5)

Mật Tích Kim Cang lực sĩ nói với Bồ-tát Tịch Ý:

–Bồ-tát đến dưới cõi Bồ-đề để thành Phật đạo. Đức Như Lai Chí Chân chưa chuyển pháp luân khai đạo chúng sinh, mà đã hóa độ vô lượng chúng sinh nhiều hơn số chúng sinh được tế độ từ lúc mới phát đạo tâm đến khi ngồi dưới cõi Bồ-đề.

Đức Như Lai Chí Chân vừa thành Phật đạo, bảy giờ Phạm Thiên vương Diệu Thức cùng sáu mươi tám vạn ức triệu trăm ngàn Phạm thiên quyền thuộc đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát dưới chân, đi quanh bên hữu bảy vòng, trụ ở trước Đức Phật cung kính bạch rằng:

–Xin Đấng Đại Bi chuyển pháp luân tuyên bố đạo hóa. Có nhiều chúng sinh đáng được độ nghe Phật thuyết pháp có thể hiểu biết vâng làm.

Thưa Bồ-tát Tịch Ý! Phạm Thiên vương Diệu Thức đã ân cần khuyến thỉnh Đức Thế Tôn chuyển pháp luân, mười ức Phạm thiên, mười ức Thiên đế và mười ức trăm ngàn triệu các Bồ-tát cũng khuyến thỉnh Đức Thế Tôn chuyển pháp luân.

Lúc Đức Thế Tôn sắp chuyển pháp luân, Phạm Thiên vương Diệu Thức đến khu vườn Lộc uyển ở thành Ba-la-nại trần thiết tòa Sư tử báu đẹp trang nghiêm cao ba ngàn hai trăm tám mươi dặm.

Mười ức Phạm thiên, mười ức Thiên đế, mười ức trăm ngàn triệu các Bồ-tát cũng vì Đức Thế Tôn mà trần thiết tòa Sư tử cao rộng đều đồng nhau, ai cũng tự nghĩ: “Đức Như Lai sẽ ngồi trên tòa Sư tử của mình để chuyển pháp luân.”

Bảy giờ Đức Như Lai đến khu vườn Lộc uyển ở thành Ba-la-nại ngồi trên tòa Sư tử. Các vị Phạm, Thích và Bồ-tát đều tự nghĩ rằng: “Đức Như Lai riêng ngồi trên tòa Sư tử của mình.”

Lúc Đức Như Lai vừa ngồi xong, mười phương vô lượng cõi Phật độ chấn động sáu cách. Khi ấy Đức Như Lai nhập vô cực giới Tam-muội, tức thời toàn cõi đại thiên đều bằng phẳng như bàn tay. Tất cả chúng sinh ở địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, trên trời, trong loài người đều được an ổn, không dâm, nộ, si, tiêu bệnh ba độc, lòng họ thanh tịnh thương yêu nhau như cha, như mẹ, con cái, như anh em, chị em.

Vô số các Bồ-tát từ vô hạn Phật cõi ở mười phương đến nghe Đức Phật thuyết pháp.

Trong cõi Đại thiên, vô số chúng Trời, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân đồng đến chỗ Đức Phật muốn nghe kinh pháp.

Đại chúng đến dự hội đông đầy khắp cả cõi đại thiên không còn chỗ nào trống chùng sợi lông sợi tóc. Tất cả thính chúng đều nhất tâm khát khao đạo pháp.

Đức Thế Tôn thấy đại chúng đã nhóm họp đông đủ liền chuyển pháp luân, vì các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Đại phạm Thiên vương và người thế tục mà tuyên bố chánh pháp, tùy thời nghi, theo tâm chúng sinh, đều làm cho họ được hiểu biết tỏ ngộ tuân hành đạo pháp. Đức Như Lai Chí Chân vì họ mà phân biệt, tuyên nói pháp này:

–Câu-lân nên biết, nhãn căn vô thường, biết rõ nhãn căn vô thường thì theo luật giáo. Nhãn căn độc khổ, không có tôi ta, nhãn căn như huyễn, như hóa, như sóng nắng trên đường,

như bóng trăng, như mộng, như ảnh, như vang, theo luật giáo này mới chịu phụng hành Không, Vô tướng, Vô nguyện. Nhãn căn vốn trống không, vắng lặng, đạm bạc theo duyên mà khởi.

Nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý căn cũng vậy. Tất cả đều vô thường. Do nghe nói vô thường thì hiểu là khổ, không có tôi ta, vắng lặng đạm bạc, Không, Vô tướng, Vô nguyện. Vì chẳng thấu tỏ nên theo duyên mà khởi.

Năm ấm vô thường, dù nói năm thứ nhưng đều vô thường, nghe nói năm ấm vô thường thì hiểu là rỗng không vậy. Sáu trần và bốn đại chủng cũng vậy.

Bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Đạo hạnh. Do được nghe ba mươi bảy phẩm Trợ đạo mà hiểu vô thường, rỗng không, bèn theo luật giáo.

Người thích Thanh văn thì chẳng ưa Duyên giác. Người thích Duyên giác thì chẳng muốn Thanh văn. Nếu mộ hai thừa thì chẳng nói Đại thừa. Nếu tuyên Đại thừa, được nghe nghĩa thú ấy thì chẳng ham nghe lời nói về Thanh văn và Duyên giác.”

Thưa Bồ-tát Tịch Ý! Đức Như Lai tùy theo tâm sở thích của chúng sinh mà chuyển pháp luân đều làm cho họ được độ. Dù cho trí tuệ như Tôn giả Xá-lợi-phất trải qua trăm ngàn năm suy nghĩ chỗ sở nhập của bản hạnh đạo nghĩa cũng chẳng lường biết được, huống là người khác.

Lúc nói về Bồ-tát đến ngồi dưới cội Bồ-đề, hàng ma thành đạo và chuyển pháp luân, có tám muôn bốn ngàn người trong đại hội phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Lúc bảy giờ Mật Tích Kim Cang tiến đến bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vừa rồi con tuyên nói bí yếu của Như Lai phải chẳng không sai trái hủy báng Như Lai? Bí yếu của Như Lai rất là huyền diệu rộng lớn không ngần mé, thế gian khó tin được. Dù nói bí yếu của Như Lai mà tâm con tự nhớ là trí tuệ của Như Lai nhập trong thân con, chớ chẳng phải là sức của con.

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy. Như lời của Mật Tích đã nói. Đạo tuệ của Như Lai nhập vào chỗ nào thì không ai là chẳng được an ổn. Hàng đệ tử Phật ban tuyên kinh điển, đều nương nhờ oai thần của Như Lai. Vì nhập vào thân không pháp đạo tuệ huyền diệu của Như Lai nên không ai là chẳng thông đạt. Nếu muốn bảo chúng sinh tự kiến lập Như Lai chánh pháp, tuyên nghĩa nhu thuận, thì chưa bao giờ có.

Nay ông suy gẫm Chân đế, nương đạo tuệ của Như Lai mà được sức vô úy diễn nói pháp ấy. Nói rằng Chân đế chính là pháp ấy. Vì sao? Chân đế ấy là đạo Vô thượng chánh chân mà chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai, chư Phật hiện tại đều tuân hành. Giả sử có ai ban tuyên kinh điển bí yếu này đúng pháp không sai thì đều sẽ thành Phật. Nếu có người nghe nói kinh này mà tin ưa, thì được tất cả thế gian đều kính mến tin tưởng.

Giả sử có người dùng đầu hoặc vai mang núi Tu-di đứng giữa hư không, việc này còn có thể được.

Người không có đức thì chẳng kham nhiệm được nghe kinh điển này. Hoặc đã được nghe cũng khó tin. Hoặc đã tin nhưng chẳng thể mến thích. Huống lại là thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết.

Nếu có người nghe kinh này mà tin ưa thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng thuyết, người này đời trước đã từng cúng dường vô số ức trăm ngàn triệu ức chư Phật Thế Tôn. Đây là bậc Chánh sĩ vun trồng cội công đức, chí gìn giữ Đại thừa, quyết định được thọ ký. Huống là người chí thành hay phụng hành.

Lúc ấy Bồ-tát Tịch Ý tiến lên bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là nghĩa vắng lặng đạ**đ**am bạc?

Đức Phật bảo Bồ-tát Tịch Ý:

–Này thiện nam! Nghĩa vắng lặng đạ**đ**am bạc là tiêu diệt trần lao và đạ**đ**am bạc những ô nhiễm. Do tiêu trần lao nên mới gọi là trừ các tham dục vọng tưởng. Do trừ dục tưởng thì không tư lự. Do không tư lự thì chẳng chấp trước. Do chẳng chấp trước thì không hành nghiệp nhân duyên. Do không hành nghiệp nhân duyên thì không vô minh, ân ái. Do không vô minh, ân ái thì tiêu diệt tôi ta. Do tiêu diệt tôi ta thì không danh sắc. Do không danh sắc thì tiêu nghiệp chấp đạ**đ**oạn, chấp thường. Do không nghiệp đạ**đ**oạn diệt chấp thường thì tiêu tham thân.

Này thiện nam! Các nhân duyên quả báo tùy theo các nghiệp chấp kiến điên đảo mà thành trần lao, đều do tham thân mà thành họa hoạn ấy. Do không tham thân thì bỏ cả sáu mươi hai thứ chấp kiến. Do không tham thân thì vắng bậ**đ**t các duyên. Do không tham thân thì tất cả tham dục tự nhiên đạ**đ**am bạc. Do không tham thân thì các hy vọng vắng lặng tiêu diệt.

Ví như nhỏ cây thì rễ, gốc, thân, nhánh, lá, hoa, trái đồng thời đều trừ, cây ấy vĩnh viễn không còn có.

Hành giả cũng vậy. Do tiêu tham thân thì không còn có những sáu mươi hai thứ kiến chấp. Do tiêu tham thân nên đều trừ tất cả các pháp sở thọ, họa hoạn trần lao, năm âm, sáu nhập. Do không tham thân nên không có các họa hoạn trần lao năm âm.

Bồ-tát Tịch Ý thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì chẳng dứt trừ tham thân nên có cái tôi cái ta?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì còn có cái tôi, cái ta nên chẳng dứt trừ tham thân. Vì còn có nhân, thọ mạng nên chẳng dứt tham trước.

Cái đượ**đ**c thấy ấy chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, không có nơi chỗ. Suy tìm tất cả chỗ đều không có cái đượ**đ**c thấy. Vì không có cái đượ**đ**c thấy nên không có phân biệt. Đây gọi là dứt đượ**đ**c kiến chấp tham thân, tham thân đều rỗng không.

Do trí pháp nhẫ**đ**n nhu thuận hay hiểu biết pháp không nên không còn các chấp kiến kia, thân mình không có tướng đều không có chỗ làm, không có sinh, không có khởi. Đây mới gọi là pháp nhẫ**đ**n nhu thuận chẳng còn các kiến chấp, là dứt tham thân.

Này thiện nam! Nếu chẳng tham thân thì giải thoát thân không có thân. Sao gọi là không có thân? Thân do bốn đạ**đ**i chủng hợp thành vốn không có tên. Do biết như vậy nên hiểu là hư ngụy, nên gọi là chẳng chân thật, là chẳng có đượ**đ**c, đều do vọng tưởng mà có.

Nếu không cầu mong, chẳng vọng tưởng, chẳng mê chẳng làm, chẳng làm chẳng ở, thì không tham sân. Vì không tham sân nên gọi là vắng lặng, là đạ**đ**am bạc.

Tiêu diệt những gì mà gọi là vắng lặng? Tiêu các nhân duyên gọi là vắng lặng.

Vì sao? Vì từ các nhân duyên ấy mà làm cho tâm hừng hẫ**đ**y. Do không nhân duyên thì tâm chẳng hừng hẫ**đ**y.

Ví như do nhân duyên hai khúc gỗ cọ nhau nên có lửa hẫ**đ**y hừng. Không gỗ, không lửa thì không hẫ**đ**y hừng. Cũng vậy, do duyên đố**đ**i kia làm cho tâm hừng hẫ**đ**y. Do không duyên đố**đ**i thì không hừng hẫ**đ**y.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát Đạ**đ**i sĩ dùng sức phương tiện tùy thời tiêu diệt nhân duyên mà chẳng tiêu diệt những cội gốc công đứ**đ**c. Chẳng hưng khởi nhân duyên trần lao, hưng phát các công hạnh, các Ba-la-mậ**đ**-đạ**đ**. Vứt bỏ các sự ma, các nghiệp tà mà chẳng bỏ đạ**đ**o hạnh nghiệp duyên của chư Phật. Bỏ nhân Niết-bàn mà chẳng bỏ ba mươi bảy phẩm Đạ**đ**o nghiệp. Tâm chẳng ưa luyễ**đ**n Thanh văn, Duyên giác. Chẳng bỏ đạ**đ**o tâm chí chân của Bồ-tát. Vì quán

không vô mà khởi đại Bi. Xét các nhân duyên để không duyên theo tướng. Tuyên giảng chí đức, chẳng vì vọng tưởng mà mất đạo tâm. Vì không mong cầu nên nhằm các nhân đối đãi, các nạn trong ba cõi. Chỉ không có sinh duyên mà chẳng bỏ sở sinh. Không ngờ vực, tu các công đức, làm các đạo hạnh.

Đây là Bồ-tát quyền trí nhập định mà được tự tại.

Duyên vô thường ư? Chẳng nhằm sinh tử mà được tự do, vì không chỗ sợ.

Duyên có khổ ư? Kiến lập chúng sinh nơi Niết-bàn an ổn, vì đã được kiến lập.

Duyên vô ngã ư? Thương xót làm cho chúng sinh được an lạc, vì thực hành đại Bi.

Duyên hư vô ư? Vì tâm được Như Lai tám phần Thánh đạo.

Duyên dục hành ư? Vì làm thuốc thanh tịnh cho những bệnh tham ái.

Ban tuyên chánh pháp ư? Vì làm cho tâm họ an trụ vững chắc.

Duyên sân hận ư? Vì tuyên thuốc tâm Từ để chúng hết sân hận.

Duyên ngu si ư? Vì chúng ngu si mà ban cho thuốc mười hai nhân duyên để trị tâm bệnh cho họ chẳng di động.

Duyên đẳng phân ư? Với những chúng sinh đồng đều ba sự tham, sân, si, đem ba pháp giáo hóa trị tâm bệnh họ, giảng thuốc vô thường.

Duyên vô dục ư? Vì muốn khai hóa hàng Thanh văn.

Rời sân hận ư? Vì làm cho tâm họ được đứng vững nơi Duyên giác thừa.

Rời ngu si ư? Vì khai hóa tâm họ an lập nơi Đại thừa.

Duyên sắc tượng ư? Vì tâm ấy khắp an trụ đến được thân tượng của Như Lai.

Duyên âm thanh ư? Vì tâm được an trụ thanh âm của Như Lai.

Duyên các mùi hương ư? Vì tâm an lập giới hương của Như Lai.

Duyên các mùi vị ư? Vì tâm được an trụ đạo vị của Như Lai.

Duyên đại nhân tướng ư? Vì tâm an trụ được tướng hảo trang nghiêm.

Duyên mịn trơn ư? Vì tâm an trụ được tay chân nhu nhuyễn của Như Lai.

Duyên Kinh pháp ư? Vì tâm an trụ đến được ý vô sinh của Như Lai.

Duyên Bồ thí ư? Vì tâm an trụ tại đầy đủ những tướng hảo.

Duyên Trì giới ư? Vì tâm an trụ tại Phật độ nghiêm tịnh.

Duyên Nhẫn nhục ư? Vì tâm an trụ tại Phạm âm của Như Lai.

Duyên Tinh tấn ư? Vì tâm an trụ ở hóa độ chúng sinh.

Duyên Thiền định ư? Vì tâm an trụ ở hưng khởi thần thông.

Duyên Trí tuệ ư? Vì tâm an trụ ở dứt các tà kiến, dứt lưới sáu mươi hai điều nghi chấp.

Duyên Từ tâm ư? Vì với tất cả chúng sinh tâm bình đẳng chẳng mang lòng tổn hại.

Duyên xót thương Bi tâm ư? Vì lập tâm cứu tế chúng sinh.

Duyên Hỷ duyệt ư? Vì tâm an trụ tại ưa thích nghe pháp.

Duyên Xả ly ư? Vì lập tâm vứt bỏ các họa nguy ách của kết sử.

Duyên bốn ân ư? Vì giữ gìn tâm, khai hóa đù đất chúng sinh.

Duyên tham sân ư? Vì gây dựng tất cả sở hữu để ban bố cho chúng sinh.

Duyên phạm ác ư? Vì tồn tâm an lập giới hạnh thanh tịnh của Như Lai.

Duyên tranh luận ư? Vì tâm an trụ tại trí biện của Như Lai.

Duyên oán hại ư? Vì tồn tâm an lập mười Trí lực và bốn Vô sở úy của Như Lai.

Duyên loạn động ư? Vì tâm an trụ được Tam-muội của Như Lai.

Duyên tà trí ư? Vì tâm an lập trí Ba-la-mật-đa vô ngại đầy đủ cho chúng sinh.

Duyên hạ thừa ư? Vì tâm an trụ ở chỗ tích chứa công đức, chí ở Đại thừa.

Duyên thuận ứng ư? Vì tồn tâm an hòa, chẳng phạm các điều ác phi pháp.

Duyên ác thú ư? Vì tâm an trụ ở chỗ cứu hộ tất cả chúng sinh ác thú, đọa bát nạn.

Duyên chư Thiên ư? Vì tôn tâm, hiểu rõ những hội hợp đều sẽ biệt ly.

Duyên chúng nhân ư? Vì tâm an trụ tại tất cả diệu thiện.

Duyên niệm Phật ư? Vì tập thấy chư Phật.

Duyên niệm Pháp ư? Vì tôn tâm phụng hành đạo pháp mà bỏ sự vô ích.

Duyên niệm Tăng ư? Vì gây dựng pháp không thoái chuyển.

Duyên thí cho ư? Vì tâm an trụ chẳng rời bỏ chúng sinh.

Duyên cảm giới ư? Vì đầy đủ sở nguyện.

Duyên niệm thiên ư? Vì tôn tâm, an lập đủ trọn công đức Nhất sinh bỏ xứ.

Duyên thân hành ư? Vì đến được Phật thân.

Duyên khẩu ngôn ư? Vì tâm an trụ các ngôn giáo kinh điển của Phật.

Duyên tâm ý ư? Vì tôn tâm được Phật ý.

Duyên hữu vi ư? Vì tâm an trụ tại tích chứa công đức, tự được đầy đủ.

Duyên vô vi ư? Vì tâm an trụ tại đầy đủ Thánh tuệ vậy.

Này thiện nam! Như vậy chẳng phải từ nơi không duyên, không hóa độ mà đến được đạo Đại thừa, đều do duyên tâm mà được đến Phật đạo, được đến Nhất thiết trí.

Nếu có Bồ-tát đều do nơi duyên hóa mà dẫn đạo Nhất thiết trí thì đó là thiện quyền phương tiện của Bồ-tát, đều do thấy các pháp, đều mang lòng dẫn đến đạo Nhất thiết trí.

Vì như cõi đại thiên chứa nhận tất cả đất đai, chúng sinh, cỏ cây, sông biển, không thứ gì chẳng bao gồm. Tất cả đều mong nhờ nơi đó mà được sinh hoạt.

Này thiện nam! Cũng vậy, tất cả các duyên đều do Bồ-tát thiện quyền phương tiện thực hành những công hạnh thù thắng Đệ nhất dẫn đến Nhất thiết trí.

Như các hình sắc đều có bốn đại chủng. Cũng vậy, Bồ-tát thiện quyền phương tiện tạo lập các duyên đều đến Phật đạo. Vì sao? Các chúng sinh hưng khởi tội nghiệp, đối với Bồ-tát chẳng những không báo đền mà Bồ-tát duyên nơi đây thực hành Bồ thí ba-la-mật-đa liền có thể thành tựu đầy đủ Giới ba-la-mật-đa.

Nếu có người giận thù mang lòng độc hại, bấy giờ Bồ-tát thực hành Nhẫn ba-la-mật-đa liền đó sung mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Nếu thấy chúng sinh ở nơi ồn ào náo nhiệt, tâm họ không an ổn, duyên đây mà Bồ-tát hành Thiền ba-la-mật-đa, bỗng nhiên thành tựu Trí ba-la-mật-đa.

Nếu có chúng sinh che chướng tối tăm, Bồ-tát vì họ mà dứt trừ lưới kết phục chướng ngại.

Nếu có chúng sinh siêng tu tập, Bồ-tát bèn vì họ tiêu trừ tất cả chỗ chấp trước, cúi đầu khen ngợi chỉ thị cho họ tự quay về.

Với kẻ ưa chê bai hủy báng, Bồ-tát cũng tùy thuận ý của họ, làm cho họ chẳng sinh tâm hủy báng.

Nếu thấy người cần khổ bị vô số khổ não, Bồ-tát liền khởi đại Bi cứu họ khỏi khổ.

Nếu thấy người an lạc, Bồ-tát rất vui mừng mà nhiếp thọ họ.

Nếu thấy những loài cang cường khó hóa độ, Bồ-tát tùy thời điều dắt huấn thị cho họ phát đạo tâm.

Thấy người nhân hòa, Bồ-tát ở nơi họ tu tập chí hạnh phát khởi đạo tâm cho họ.

Nếu có chúng sinh, kẻ có thể lực có duyên với Bồ-tát thì Bồ-tát tùy thuận hưng khởi khiến họ phát khởi đạo tâm.

Nếu có lực sĩ báo ứng nghiệp hạnh, Bồ-tát liền thuận nhiếp thủ dạy dỗ phát khởi đạo tâm.

Đây gọi là tùy duyên mà được tự tại. Bồ-tát tùy thuận thiện quyền phương tiện, biết rõ chúng sinh, đúng thời mà thuyết pháp theo chỗ báo ứng, chí nguyện ái mộ, giáo hóa khai thị phân giải, đều làm cho chúng sinh thân nhiên tinh tấn nơi đại đạo Thánh tuệ, vì họ mà luận nghĩa sâu xa vô thượng.

Bồ-tát để lòng Từ rộng lớn vì chúng sinh mà giải bày đạo chí chân, lần lượt vì họ mà ban tuyên chỉ dạy đạo nhân vô thượng ấy, giải thích phân biệt chương cú. Bồ-tát lấy một câu pháp mà diễn xướng bao nhiêu nghĩa.

Với người ưa vắng lặng, Bồ-tát vì họ phân biệt quán xét tất cả. Với người thích giác quán, Bồ-tát đem quán giải thoát Tam-muội giảng thuyết cấm giới, lại vì họ mà tuyên giảng địa ngục, nạ quý, súc sinh. Do nghe pháp ấy mà hiểu sự vô thường không cứ không họ, khiến họ cầu đạo hộ.

Nếu người có chánh định, Bồ-tát vì họ mà luận Tuệ ba-la-mật-đa.

Với người hâm mộ ở chỗ nhàn nhã, Bồ-tát giáo hóa họ tịnh thân, miệng, ý.

Với người biết tri túc, Bồ-tát vì họ mà hiển phát hạnh nghiệp công đức của bậc Thánh hiền.

Với người có quan niệm tự đại ngu tối, Bồ-tát sẽ vì họ tuyên bố tinh tấn học rộng nghe nhiều.

Với người tham dục, Bồ-tát chỉ bảo cho họ biết họa hoạn bất tịnh vô ích.

Với người hay giận thù, Bồ-tát khuyên họ phát tâm Từ, chẳng mang lòng oán hại.

Với người ngu làm, Bồ-tát dạy họ pháp mười hai nhân duyên phát khởi sinh tử.

Với người đặng phần phiền não, Bồ-tát vì họ diễn nói vô thường, khổ, không, vô ngã.

Với người ham mê sắc dục, Bồ-tát giảng dạy sự bất tịnh.

Với người nhân từ đến nỗi ngu tối không hiểu biết, Bồ-tát vì họ chỉ bảo sự duyên khởi tội lỗi.

Với người tà kiến, Bồ-tát vì họ quyết rõ pháp không vô.

Với người mang lòng hy vọng, Bồ-tát diễn nói hạnh không vọng tưởng.

Với người cố chấp nơi thế nguyện, Bồ-tát dạy họ không nguyện cầu.

Với người ưa nơi năm triền cái, Bồ-tát vì họ phân tích năm ám như huyễn, như hóa hư nguy không thật.

Với người tham chấp các đại chủng, Bồ-tát vì họ giải rõ bốn đại chủng, mười tám giới như bóng, do hình chiếu mà hiện.

Với người dựa theo các nhập, Bồ-tát giảng nói mười hai thứ nhập, trong sáu căn, ngoài sáu trần đều chẳng phải sở hữu của ta. Như cảnh chiêm bao lúc thức không còn có.

Với người nương cõi Dục, Bồ-tát vì họ giảng nói phân biệt tất cả vạn vật đều về nơi vô thường.

Với người chấp thủ cõi Sắc, Bồ-tát vì họ diễn nói tất cả hạnh nghiệp chúng sinh đều là gốc khổ não.

Giả sử có người coi trọng cõi Vô sắc, Bồ-tát tuyên bố tất cả các pháp đều không có cái tôi và cái ta.

Với người khó hóa độ, Bồ-tát bảo họ siêng tu tập pháp Thánh hiền.

Với người dễ hóa độ, Bồ-tát sẽ vì họ khai thị pháp Vô thượng chí chân.

Với người muốn sinh ở cõi trời, cõi người, Bồ-tát vì họ ca ngợi giới phẩm thanh tịnh.

Với người thích Thanh văn thừa, Bồ-tát giảng dạy chỉ rõ pháp bốn Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Với người mộ Duyên giác thừa, Bồ-tát khai thị mười hai nhân duyên lấy vô minh làm

gốc.

Với người học hạnh Đại thừa, Bồ-tát nhân đó lưu bố sáu pháp Ba-la-mật-đa, bốn Đẳng, bốn Ân để dắt dẫn họ.

Với người mới phát tâm, Bồ-tát xem xét chí tánh của họ mà dạy dỗ.

Với người đủ các công hạnh chẳng nhằm sinh tử, Bồ-tát chỉ dạy pháp không nạn để họ được chẳng thoái chuyển.

Với người không thoái chuyển, Bồ-tát nhân đó phân biệt nói Phật độ thanh tịnh.

Với bậc Bồ-tát đại nhân Nhất sinh bồ xứ, Bồ-tát hiển thị đạo tràng Bồ-đề chí chân.

Này thiện nam! Bồ-tát được tự tại theo duyên giáo hóa tuyên bố đạo pháp không có sai lầm, dùng ngôn từ khéo léo làm vui đẹp lợi ích chúng sinh.

Lúc Đức Thế Tôn nói lời trên đây, trong pháp hội có một vạn người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, năm trăm Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn.

Bấy giờ, trong chúng hội có các Bồ-tát thầm nghĩ: “Lực sĩ Mật Tích Kim Cang này bao giờ thành Phật? Lúc ông ấy thành Phật hiệu là gì? Quốc độ ấy tên gì? Công đức nghiêm tịnh thuộc về loại gì? Thành tựu chúng Bồ-tát thế nào?” Đức Thế Tôn biết tâm niệm của các Bồ-tát liền mỉm cười. Vô số ức trăm ngàn tia sáng từ miệng Đức Phật phóng ra chiếu thấu vô hạn thế giới mười phương, che cả ánh sáng của mặt trời mặt trăng, trùm cả cung điện của ma. Những tia sáng ấy trở về nhiều vòng quanh Đức Phật vô số vòng rồi từ đỉnh đầu Đức Phật mà thấm vào.

Bồ-tát Tịch Ý liền đứng dậy để hở vai áo bên phải, chấp tay lễ Phật, nói kệ ca ngợi để hỏi ý cười của Đức Phật:

*Cao vợi như núi vàng
Diệu quang sạch bụi trần
Tâm Phật vững vắng lặng
Như mặt trời trên không.
Tia sáng ấy rất sáng
Tiêu trừ các tối tăm
Có chi hiện như vậy?
Xin Thế Tôn giải bày.
Sạch sẽ như hoa sen
Mọc ở trong bùn sinh
Gốc cọng ở trong nước
Lớn lên không cấu nhơ.
Công đức rất thơm tho
Ý niệm càng xa rộng
Cúi xin an nhiên nói
Có chi lại vui cười?
Tâm trí Phật an ổn
Vắng lặng và nhu hòa
Lòng Từ càng thêm lớn
Tiêu trừ những cấu ứ.
Dùng ánh sáng trí tuệ
Trừ bỏ các tối tăm
An trụ như hoa sen
Vứt bỏ các hồ nghi.*

*Thêm thương tu đạo tràng
Phụng hành được tự tại
Miệng Phật phóng quang minh
Khô cạn các ái dục
Khai hóa các chúng sinh
Cho mắt họ sáng sạch.
An trụ tiêu nghịch tặc
Trừ bỏ những tội lỗi
Khấp tất cả chúng hội
Ngưỡng nhìn tướng mạo Phật
Cớ chi Phật vui cười?
Cúi xin phân biệt nói.*

Đức Phật bảo Bồ-tát Tịch Ý:

–Ông có thấy Mật Tích Kim Cang ấy chăng?

Bồ-tát Tịch Ý thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy ông ấy.

Đức Phật dạy:

–Mật Tích Kim Cang đã và đang cúng dường chư Như Lai ở hiền kiếp, hộ trì chánh pháp, khai thị lợi ích vô lượng chúng sinh. Từ thân ấy chết, ông ấy sẽ sinh về nước Diệu lạc của Đức Phật A-súc. Từ đó về sau gặp vô số chư Phật, tịnh tu phạm hạnh.

Qua khỏi số kiếp ấy, ông ấy chừa nhóm công đức sẽ thành Phật hiệu Kim Cang Bộ Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cõi nước tên Phổ tịnh. Kiếp hiệu Nghiêm tịnh. Cõi nước Phổ tịnh hợp bảy báu là vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh, xa cừ, mã não, san hô, trân châu làm thành, nhân dân giàu vui đông đảo như cung trời Đâu-suất. Cõi nước ấy không có ba ác đạo và tám nạn, trời và người chẳng riêng biệt, tất cả đều mến mộ Phật đạo vi diệu. Cõi ấy không có hai thừa, không có tên Thanh văn, Duyên giác, thuần là Bồ-tát.

Đức Kim Cang Bộ Như Lai tuyên thuyết pháp Đại thừa không thoái chuyển. Chúng Bồ-tát ở cõi Phổ tịnh đông chẳng thể tính đếm hạn lượng được. Cõi ấy không có người tánh ác ganh ghét phá giới tà kiến. Người cõi ấy đều đạt đến chỗ cứu cách mến thích Phật pháp, tâm tánh hiền hòa, đều đủ hai mươi tám tướng tốt trang nghiêm thân thể.

Đức Kim Cang Bộ Như Lai tại thế sống tám tiểu kiếp, thường vì chúng hội trời, người thuyết pháp, thân phóng quang minh chiếu khắp cõi nước. Các hàng trời, người được quang minh Phật chiếu đến đều được giải quyết các điều nghi khen ngợi chánh pháp, về theo Đức Phật. Mọi người đều nghĩ rằng tôi phải đến chỗ Phật để học hỏi kinh điển. Có người dùng thần thông của mình đi đến chỗ Phật. Có hàng hữu học nương oai thần của Phật mà đến.

Đức Phật Kim Cang Bộ ở trên hư không cách mặt đất trăm ngàn nhẫn tuyên cáo pháp âm khắp mười phương làm vui đẹp tất cả những người đến dự hội. Đức Phật chỉ tuyên pháp Đại thừa Vô thượng đại đạo cho các Bồ-tát.

Cõi nước Phổ tịnh ấy không một ai chống báng lời giáo huấn của Đức Phật. Cõi nước ấy không có vua chúa, chỉ có Đức Phật Thế Tôn là vị Pháp vương. Ở cõi nước ấy, tất cả nhân dân đều có trí tuệ, không chấp tôi ta, không có ngã sở, chẳng làm chủ nhà ruộng riêng.

Do lòng Từ xót thương của Đức Phật, chiều tối người cõi nước ấy thấy Đức Kim Cang Bộ Như Lai hiện thân tượng đấng y mang bát đứng trước nhà mình, liền tự nghĩ Đức Như Lai thương con muốn đến nhà con thọ trai. Đêm ấy họ sắm sửa thức ăn, trần thiết ghé bàn. Sáng hôm sau đến giờ thọ trai, Đức Phật và Thánh chúng đến nhà họ thọ trai xong, sau khi rửa tay,

Đức Phật vì người nhà thí chủ mà thuyết kinh pháp. Thí chủ ấy được pháp không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh giác. Thuyết kinh xong Đức Phật trở về tịnh xá như lúc Đức Phật ngồi yên nơi tịnh thất. Lúc bấy giờ các Bồ-tát cõi ấy đều theo bản hạnh nhập vào Tam-muội mà tự tu tập.

Này Tịch Ý! Cõi nước của Đức Phật Kim Cang Bộ có công đức trang nghiêm thanh tịnh đặc thù như vậy.

Lúc Đức Thế Tôn nói lời thọ ký cho Mật Tích Kim Cang lực sĩ, trong chúng hội có hai vạn người phát tâm Vô thượng Bồ-đề phát nguyện sinh về cõi nước ấy. Đức Phật thọ ký rằng lúc Đức Phật Kim Cang Bộ thành đạo, trong đại chúng đây ai nguyện được thấy thì đều sẽ được sinh về cõi Phổ tịnh ấy và sẽ được Đức Phật ấy thọ ký Vô thượng Bồ-đề.

Nghe Đức Phật thọ ký, Mật Tích Kim Cang vui mừng hơn hờ dôi chày Kim Cang đang cầm lên hư không. Liền đó khắp cõi đại thiên chấn động sáu cách, ánh sáng chiếu mười phương, hoa trời tuôn xuống như tuyết rơi, các thứ âm nhạc tự nhiên trỗi lên. Tay mặt của tất cả mọi người trong pháp hội tự nhiên có nhiều thứ hoa hương phan lọng xinh đẹp, đều cầm lấy mà đi.

Bấy giờ Mật Tích Kim Cang cầm hoa hương, phan lọng đi vòng quanh Đức Phật nói kệ ca ngợi:

*Pháp rộng khắp tự tại
Pháp tạng chẳng cùng tận
Thuyết pháp rất rành rẽ
Lợi ích cho chúng sinh.
Phật phó chúc cho con
Thường thích dùng pháp thí
Phụng hành đúng chánh pháp
Nguyện tự quy Phật đạo.
Trí tuệ hay thanh tịnh
Công hạnh đã sáng suốt
Danh hiệu thấu ba đời
Công đức trọn rớt ráo.
Trí Phật suốt ba chỗ
Thánh đức không chấp trước
Tự tại độ chúng sinh
Giáo hóa khỏi khổ ách.
Thanh tịnh như mặt trăng
Dung nhan rất sáng rỡ
Chiếu đến chỗ rất xa
Dường như mặt trời sáng.
Phật âm rất dịu hòa
Như tiếng trời Phạm thiên
Từ bi tuyên lời dạy
Kính lễ Đấng Chí Tôn.
Tự hiển hiện thân hình
Thị hiện có thọ mạng
Xin Phật tuyên pháp âm
Diễn nói các văn tự.*

*Dù diễn nói kinh pháp
Nhưng không niệm có pháp
Dù độ khắp chúng sinh
Nhưng không tưởng có nhân.
Thế Tôn thương giáo hóa
Ai báo được ân Phật
Giả sử tất cả chúng
Chứa đức vô lượng kiếp
Chỉ thưa hỏi Phật pháp
Chỉ chẳng ở nghiệp khác
Mình phụng hành Phật hạnh
Lại dạy bảo người khác.*

Nhiều Phật và chúng hội đủ bảy vòng xong, Mật Tích Kim Cang cầm các thứ hoa và lọng báu tung lên cúng dường Đức Phật. Vừa lúc tung hoa, khắp bốn thiên hạ tự nhiên hóa sinh bao nhiêu thứ hoa trang nghiêm tám lớp đường sá, những ao nước tám vị công đức, nương oai thần của Phật, không đâu là chẳng khắp.

Lúc đó Bồ-tát Tịch Ý hỏi Mật Tích Kim Cang:

–Đức Như Lai đã thọ ký Phật đạo cho ngài?

Mật Tích Kim Cang đáp:

–Bồ-tát đã thấy Đức Phật thọ ký. Sự thọ ký ấy tự nhiên như chiêm bao.

Hỏi:

–Ngài được thọ ký là đến chỗ nào?

Đáp:

–Chỗ được thọ ký ấy là không chỗ đến.

Hỏi:

–Chẳng đến chỗ nào?

Đáp:

–Chẳng đến tôi ta, chẳng được nhân và thọ mạng, chẳng được năm âm, sáu trần, bốn đại chủng, chẳng thấy công nghiệp độ đời hiện tại, chẳng đến các tội cùng chẳng tội, không có lậu và vô lậu, không có trần lao sân hận, không có hữu vi và vô vi, không có sinh tử và Niết bàn, tất cả đều chẳng đến mới gọi là thọ ký.

Hỏi:

–Nếu không chỗ đến thì ai được thọ ký?

Đáp:

–Không chỗ đến ấy mới gọi là đến.

Hỏi:

–Nếu không tôi ta thì ai được thọ ký?

Đáp:

–Người thọ ký và người được thọ ký đều bình đẳng, bản thể không có hai, không có khác.

Hỏi:

–Nếu không bản thể, thì ai được thọ ký ấy?

Đáp:

–Bản thể không sinh, cũng không diệt, không có hai. Do bản thể ấy mà ngày nay được thọ ký.

Hỏi:

–An trụ bản tế nào mà được thọ ký?

Đáp:

–An trụ nơi tự nhiên, bản tế không hai, bản tế không ngã, không nhân, không thọ mang, an trụ nơi tự nhiên mới gọi là được thọ ký.

Hỏi:

–Tôi ta bản tế an trụ chỗ nào?

Đáp:

–An trụ chỗ Đức Như Lai an trụ.

Hỏi:

–Không chỗ hay biết là biết chỗ nào?

Đáp:

–Chỗ hay biết ấy, là không chỗ biết.

Hỏi:

–Nếu không chỗ bảo nói là không chỗ nói, giả sử không chỗ nói thì dạy những gì?

Đáp:

–Dạy không chỗ dạy.

Hỏi:

–Thế nào là dạy không chỗ dạy?

Đáp:

–Tất cả các pháp đều không chỗ dạy.

Hỏi:

–Giả sử không chỗ dạy thì làm sao biết đó?

Đáp:

–Giả sử không chỗ dạy thì chỗ biết dường ấy.

Hỏi:

–Thế nào là dạy chỗ biết?

Đáp:

–Chẳng hỏi chỗ biết.

Hỏi:

–Thế nào là chẳng hỏi chỗ biết?

Đáp:

–Tâm không phóng dật.

Hỏi:

–Thế nào là tâm không phóng dật?

Đáp:

–Tự về nơi yếu nghĩa.

Hỏi:

–Thế nào là tự về nơi yếu nghĩa?

Đáp:

–Chẳng thấy vô nghĩa.

Hỏi:

–Sao gọi là chẳng thấy vô nghĩa?

Đáp:

–Chẳng lấy nơi nghĩa cũng chẳng phải vô nghĩa mới gọi là nghĩa.

Hỏi:

–Sao gọi là chẳng lấy nơi nghĩa cũng chẳng phải vô nghĩa mới gọi là nghĩa?

Đáp:

–Chẳng lấy nơi nghĩa cũng chẳng phải vô nghĩa ấy là đạo nghĩa.

Hỏi:

–Nếu lấy vô nghĩa thì chẳng thành pháp nghĩa ư?

Đáp:

–Pháp nghĩa ấy sao lại là nghĩa! Vì sao? Người xu hướng nơi nghĩa thì là phi pháp, chẳng thành là pháp.

Hỏi:

–Thế nào là pháp?

Đáp:

–Pháp không âm hưởng mới gọi là pháp.

Hỏi:

–Pháp không âm hưởng sao gọi là pháp?

Đáp:

–Nơi pháp ấy không có văn tự mới gọi là pháp. Pháp ấy không chỗ được. Pháp ấy không âm thanh, không ngôn từ.

Hỏi:

–Sao gọi là chỗ đến?

Đáp:

–Như chỗ đến được, đây mới gọi là tất cả không đến. Rời lia nơi có được, nên gọi là tới đến được Như Lai. Tu tập các pháp mới có thể đến được. Có thể dứt bật tâm tôi ta. Tất cả chỗ tuyên bày là ánh sáng của trí tuệ. Nhân nơi văn tự ấy mà tuyên bày công nghiệp của Như Lai. Chẳng lấy không đến, chẳng lấy sẽ đến.

Hỏi:

–Chỗ đến ấy, chỗ nào chẳng được?

Đáp:

–Lời nói từ nơi miệng là chẳng được. Lời nói từ nơi miệng, trong tâm dựa theo văn tự là chẳng được.

Hỏi:

–Thế nào gọi là được?

Đáp:

–Không chỗ đến ấy, không chỗ dạy ấy. Không chỗ dạy ấy, biết thì là chẳng biết tự, chẳng biết tha. Chẳng biết tự, chẳng biết tha mới gọi là được.

Hỏi:

–Chẳng được thì cái gì làm căn bản nó. Còn được thì cái gì làm căn bản nó?

Đáp:

–Sở thọ là căn bản.

Hỏi:

–Cái gì làm căn bản của sở thọ?

Đáp:

–Chỗ dựa nhờ làm căn bản.

Hỏi:

–Cái gì làm căn bản của chỗ dựa?

Đáp:

–Hư nguyện vọng tướng làm căn bản.

Hỏi:

–Cái gì làm căn bản của hư nguyện vọng tướng?

Đáp:

–Trần lao làm căn bản của hư nguyện vọng tướng.

Hỏi:

–Chỗ nào làm căn bản của hư nguyện vọng tướng trần lao?

Đáp:

–Luyện trước làm căn bản.

Hỏi:

–Những gì làm căn bản của luyện trước?

Đáp:

–Sắc, thanh, hương, vị, xúc làm căn bản.

Hỏi:

–Chỗ gì là cội gốc luyện trước?

Đáp:

–Ân ái kết tập gọi là cội gốc luyện trước. Ở nơi những chỗ luyện trước ấy mà không luyện mộ thì gọi là không luyện trước.

Thưa Bồ-tát Tịch Ý! Ân ái kết tập ấy, tìm cầu chỗ luyện trước thì vĩnh viễn không có chỗ luyện trước.

Lúc Đức Phật Thế Tôn thọ ký cho Mật Tích Kim Cang và tuyên nói lại pháp ấy, trong chúng hội có năm trăm vị Tỳ-kheo được lậu tận ý giải, hai trăm vị Bồ-tát được Vô sinh pháp nhãn.

